TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 988/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1351/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hùng V (có mặt)

Địa chỉ: W Ấp R, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: W Ấp R, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hùng V trình bày:

Ông V và bà Hồ Thị L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 01/10/1982 tại UBND xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2000, giữa vợ chồng ông V ân, bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà L nhiều lần gây ra nợ nần, ông V cùng các con phải đứng ra trả nợ cho bà L. Ông V và các con cũng khuyên giải bà L nhiều lần nhưng bà L không sửa đổi, cuộc sống gia đình rất mệt mỏi. Ông V và bà L sống ly thân từ cuối tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay ông V nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông V yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hồ T (sinh ngày 24/10/1985), Lê Hồ Thúy V1 (sinh ngày 12/5/1988) và Lê Hồ Công D (sinh ngày 01/01/1993). Các con chung đã trưởng thành nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Bà L và ông V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 01/10/1982 tại UBND xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn về vấn đề tài chính trong gia đình. Bà L có gây ra nợ nần và có xin ông V trả nợ cho bà L lần cuối nhưng ông V không đồng ý. Bà L và ông V sống ly thân từ cuối tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Bà L chỉ đồng ý ly hôn với ông V với điều kiện ông V phải hỗ trợ cho bà L số tiền 300.000.000đồng để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hồ T (sinh ngày 24/10/1985), Lê Hồ Thúy V1 (sinh ngày 12/5/1988) và Lê Hồ Công D (sinh ngày 01/01/1993). Các con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng V ân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn tại thời điểm thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hùng V và bà Hồ Thị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy công nhận kết hôn do UBND xã Xuân Thới Sơn, huyện

Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/1982 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà L là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của ông V ân: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông V ân, bà L có phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà L nhiều lần gây ra nợ nần. Hiện tại, ông V ân, bà L đã sống ly thân được một thời gian và vợ chồng không còn qua lại, mạnh ai nấy sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng ông V ân, bà L vẫn không thể đoàn tụ. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, bà L trình bày chỉ đồng ý ly hôn với ông V với điều kiện ông V phải hỗ trợ cho bà L số tiền 300.000.000đồng để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận định điều kiện bà L đưa ra như trên không được xem là lý do chính đáng để duy trì quan hệ hôn nhân. Tại phiên tòa, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà L. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của ông V và bà L đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho ông V được ly hôn với bà L.

[6] Về con chung: Ông V và bà L có 03 con chung tên Lê Hồ T (sinh ngày 24/10/1985), Lê Hồ Thúy V1 (sinh ngày 12/5/1988) và Lê Hồ Công D (sinh ngày 01/01/1993). Các con chung đã trưởng thành, ông V và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Ông V và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Ông V và bà L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, ông V chịu nhưng được miễn án phí (người cao tuổi). Trả lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số AA/2019/0077067 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Hùng V được ly hôn với bà Hồ Thị L.

2. Về con chung: Ông V và bà L có 03 con chung tên Lê Hồ T (sinh ngày 24/10/1985), Lê Hồ Thúy V1 (sinh ngày 12/5/1988) và Lê Hồ Công D (sinh ngày

01/01/1993). Các con chung đã trưởng thành, ông V và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông V được miễn án phí.

Trả lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số AA/2019/0077067 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Xuân Thới Sơn, H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam